

**CÔNG TY TNHH RUN DIRECT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH RUN DIRECT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: RUN DIRECT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: RUN DIRECT CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109480611

**3. Ngày thành lập:** 04/01/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 30 ngõ 131 Thái Hà, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 1399     |
| 2.  | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1410     |
| 3.  | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1430     |
| 4.  | Sản xuất giày, dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1520     |
| 5.  | Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3230     |
| 6.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: - Đại lý thương mại<br>- Môi giới thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4610     |
| 7.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép<br>Chi tiết: - Bán buôn hàng may mặc;<br>- Bán buôn giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4641     |
| 8.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;<br>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;<br>- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu. (Nhóm này gồm: Bán buôn ô dù; Bán buôn xe đạp và phụ tùng xe đạp; Bán buôn sản phẩm quang học và chụp ảnh (ví dụ: Kính râm, ống nhòm, kính lúp); Bán buôn đồng hồ đeo tay, đồng hồ treo tường và đồ trang sức; Bán buôn nhạc cụ, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi).<br>(Trừ loại Nhà nước cấm) | 4649     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 9.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép;<br>- Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.<br>(Trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                     | 4669        |
| 10. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4690        |
| 11. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4719        |
| 12. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4763        |
| 13. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4771(Chính) |
| 14. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>(Loại trừ Bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; Bán lẻ vàng bạc; Bán lẻ tem và tiền kim khí; Bán lẻ hàng hóa phi lương thực, thực phẩm chưa được phân vào nhóm nào) | 4773        |
| 15. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4782        |
| 16. | Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4785        |
| 17. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>lẻ hàng hóa đã qua sử dụng lưu động hoặc tại chợ; - Bán lẻ hàng hóa khác chưa được phân vào đâu, lưu động hoặc tại chợ.<br>(Loại trừ: Hoạt động đấu giá; Bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; Bán lẻ tem và tiền kim khí; Kinh doanh vàng miếng)                                                                             | 4789        |
| 18. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Loại trừ Đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4791        |
| 19. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh loại trừ hoạt động đấu giá.                                                                                                                                                                                                                        | 8299        |
| 20. | Hoạt động của các cơ sở thể thao<br>(Trừ hoạt động Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 9311        |
| 21. | Hoạt động thể thao khác<br>Gồm có: - Hoạt động của các nhà đạo diễn hoặc các nhà tổ chức các sự kiện thể thao, có hoặc không có cơ sở;<br>- Hoạt động của các vận động viên và những người chơi thể thao bằng tài khoản sở hữu cá nhân, trọng tài, người bấm giờ v.v...;<br>- Hoạt động liên quan đến thúc đẩy các sự kiện thể thao.<br>(Trừ hoạt động Nhà nước cấm)                   | 9319        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 22. | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br>Gồm có: - Các hoạt động vui chơi và giải trí khác (trừ các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề);<br>- Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí;<br>- Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên.<br>(Trừ hoạt động Nhà nước cấm)                                                                                                                         | 9329 |
| 23. | Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 9523 |
| 24. | Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 9529 |
| 25. | Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>(Trừ hoạt động Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 9639 |
| 26. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chức năng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4632 |
| 27. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chức năng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4722 |
| 28. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>(Trừ hoạt động sản xuất phim truyền hình)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5911 |
| 29. | Hoạt động hậu kỳ<br>(Trừ thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện phim ảnh).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5912 |
| 30. | Quảng cáo<br>(Loại trừ quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7310 |
| 31. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7320 |
| 32. | Hoạt động nhiếp ảnh<br>Chi tiết: Hoạt động nhiếp ảnh<br>Chụp ảnh quảng cáo; Chụp ảnh cho tiêu dùng và thương mại; Chụp ảnh chân dung cho hộ chiếu, thẻ, đám cưới; Chụp ảnh cho mục đích thương mại, xuất bản, thời trang, bất động sản hoặc du lịch; Chụp ảnh trên không; Quay video: Đám cưới, hội họp; Sản xuất phim: Phát triển, in ấn và mở rộng từ bản âm hoặc phim chiếu bóng, Phát triển phim và thử nghiệm in ảnh, Rửa, khôi phục lại hoặc sửa lại ảnh; Xử lý phim khác với ngành điện ảnh; | 7420 |
| 33. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch<br>Chi tiết: Hoạt động bán vé cho các sự kiện sân khấu, thể thao và các sự kiện vui chơi, giải trí khác;<br>(Trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7990 |
| 34. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Trừ hoạt động tổ chức họp báo)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8230 |
| 35. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4651 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 36. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4652 |
| 37. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi;<br>- Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác;<br>- Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính;<br>- Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt, may;<br>- Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.<br>(Trừ loại nhà nước cấm) | 4659 |
| 38. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4741 |
| 39. | Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4783 |
| 40. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 6209 |
| 41. | Cổng thông tin<br>(Trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 6312 |
| 42. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7721 |
| 43. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7729 |
| 44. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7730 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

### **7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

### **8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: HOÀNG MẠNH QUYẾT

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 12/08/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 033088003107

Ngày cấp: 20/11/2017

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL về cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Lôi Cầu, Xã Việt Hòa, Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Lôi Cầu, Xã Việt Hòa, Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội